

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2019/DS-ST**

Ngày: 29/3/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Bích Thuỷ và ông Nguyễn Đức Tường
Thoại.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành
phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông
Nguyễn Nguyên Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60
Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2018/DSST
ngày 15/8/2018; Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 52/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Anh P. Địa chỉ: 184 đường B, phường P, thành phố
Huế, vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H. Địa chỉ: Tổ 13, khu vực
5, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn H. Địa chỉ: 184 Bùi Thị
Xuân, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ
liên quan:* Ông Lê Bá Nhật B. Địa chỉ: Số 6A/106 đường N, phường X, thành phố
Huế, (văn bản uỷ quyền ngày 09/7/2018), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án
cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều trình
bày:

Qua quá trình quen biết xóm giềng, do hoàn cảnh khó khăn nên có lần bà Huỳnh Thị H, ông Nguyễn Phước Vĩnh L đến gặp bà Trần Thị Anh P để hỏi mượn tiền. Khi bà P trả lời không có thì ông L bà H nhờ bà P bốc hui giúp rồi dùng số tiền đó cho vợ chồng ông L bà H vay. Do tin tưởng và muốn giúp ông L bà H nên vào ngày 10/01 ÂL, tức là ngày 25/02/2018, bà P đã bốc một chân hui 120.000.000 đồng và cho ông L bà H vay số tiền này. Khi vay, hai bên có lập văn bản ngày 10/01 ÂL với nội dung xác nhận vợ chồng ông Nguyễn Phước Vĩnh L bà Huỳnh Thị H có mượn số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi vay xong, kể từ ngày 25/02/2018 (tức là 10/01 ÂL 2018) cho đến ngày 13/6/2018 (tức là ngày 30/4 ÂL 2018), ông L và bà H đã trả góp cho bà P mỗi ngày 400.000 đồng. Tổng cộng đã trả được 40.000.000 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện việc trả nợ mặc dù bà P đã trực tiếp đòi nợ nhiều lần. Hiện ông L bà H còn nợ của bà P số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng.

Nay bà Trần Thị Anh P khởi kiện yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H (chồng của bà P) và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều trình bày: Ông Đỗ Văn H thống nhất với lời khai của bà Trần Thị Anh P và đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông L bà H phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc gồm 80.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 20/9/2018, bị đơn là ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H đều trình bày: Trong quá trình quen biết là bạn bè của nhau nên ông bà có nhờ bà Trần Thị Anh P bốc hui giúp với số tiền 120.000.000 đồng. Vợ chồng ông bà thỏa thuận mỗi ngày trả cho bà P 400.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Tính từ ngày 25/02/2018 (tức là 10/01 ÂL 2018) cho đến ngày 13/6/2018 (tức là ngày 30/4 ÂL 2018), ông bà đã trả được 40.000.00 đồng, hiện còn nợ của bà P số tiền 80.000.000 đồng. Nay bà Trần Thị Anh P yêu cầu ông bà phải số tiền nợ gốc gồm 80.000.000 đồng, thì vợ chồng ông xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (vào ngày 01 hàng tháng) kể từ tháng 10/2018 cho đến khi hết số nợ trên do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, ông L bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 58, Điều 262, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 116, 117, 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội để giải quyết vụ án theo hướng:

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Anh P;

Buộc ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H phải thanh toán cho bà Trần Thị Anh Phương tổng số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng.

Buộc ông L bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H, nơi cư trú: Tổ 13, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phải trả nợ gốc theo hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Anh P, yêu cầu ông Nguyễn Phước Vĩnh L và bà Huỳnh Thị H phải trả số tiền còn nợ 80.000.000 đồng. Nhận thấy, tại văn bản lập ngày 10/01 ÂL có nội dung thể hiện việc ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H có vay của bà Trần Thị Anh P số tiền 120.000.000 đồng, quá trình làm việc tại Tòa án, các đương sự không có ai phản đối văn bản này; tại bản tự khai ngày

20/9/2018 của ông Nguyễn Phước Vĩnh L và bà Huỳnh Thị H thừa nhận có vay của bà Trần Thị Anh P số tiền 120.000.000đồng, đã trả 40.000.000đồng, hiện nay còn nợ số tiền 80.000.000đồng, đồng thời ông L và bà H xin trả dần khoản nợ này mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ. Do đó, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về những tình tiết không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Phước Vĩnh L và bà Huỳnh Thị H có thực hiện giao dịch vay tiền đối với bà P với số tiền 120.000.000 đồng, đã trả được 40.000.000 đồng, hiện nay còn nợ của bà P số tiền là 80.000.000đồng.

Đối với yêu cầu của bà Trần Thị Anh P, buộc ông Nguyễn Phước Vĩnh L và bà Huỳnh Thị H phải trả số tiền 80.000.000đồng và không yêu cầu trả lãi đối với số tiền này. Nhận thấy, sau khi vay tiền, vợ chồng ông Nguyễn Phước Vĩnh L và bà Huỳnh Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 Bộ luật dân sự, nên hội đồng xét xử cần buộc ông L, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ. Do ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị Anh P là vợ chồng, đều thừa nhận số tiền cho bị đơn vay là tài sản chung. Nên cần buộc ông L, bà H phải trả cho bà P và ông H số tiền gồm 80.000.000 đồng. Ông L, bà H không phải trả lãi đối với số tiền trên.

Đối với ý kiến của bị đơn xin được trả nợ dần hàng tháng với số tiền 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 10/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ. Do người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Anh P và ông Đỗ Văn H không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (80.000.000đồng x 5%).

- Bà Trần Thị Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Trần Thị Anh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 005715 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 119, 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Anh P.

[2]. Buộc ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Anh P, ông Đỗ Văn H số tiền nợ gồm 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Ông Nguyễn Phước Vĩnh L, bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- Bà Trần Thị Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Trần Thị Anh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 005715 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu dân.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế